

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/TCDS-ST.

Ngày 22 - 9 - 2023.

V/v tranh chấp: “Kiện chia di
sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.**

- TH2nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Man và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hồng Liên - Là Thư ký tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-TCDS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “Kiện chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-TCDS ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Bá H1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn 4, xã NL, thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá H2, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1946; Địa chỉ: Thôn CT, xã PN, thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

2/ Ông Nguyễn Bá L2, sinh năm 1947; Địa chỉ: Thôn TT, xã Ia, huyện PT, tỉnh Gia Lai.

3/ Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn 1, xã PV, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

4/ Bà Nguyễn Thị H2o, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

5/ Bà Nguyễn Thị Minh H4, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn TL, xã TV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá L2, bà Nguyễn Thị Minh H4, bà Nguyễn Thị L1 là ông Nguyễn Bá H1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn 4, xã NL, thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

6/ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt đầy đủ các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự cùng có nội dung trình bày như sau: Cụ ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1919 mất năm 1982, cụ bà là Phạm Thị G, sinh năm 1925 mất năm 2012. Cụ C và cụ G sinh được 07 người con gồm: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1946; Nguyễn Bá L2, sinh năm 1947; Nguyễn Bá C, sinh năm 1952; Nguyễn Thị H2o, sinh năm 1956; Nguyễn Bá H1, sinh năm 1957; Nguyễn Bá H2, sinh năm 1960; Nguyễn Thị Minh H4, sinh năm 1966.

Hiện nay 07 người con của cụ C và cụ G đều còn sống, không ai bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự. Ngoài 07 người con chung cụ C và cụ G không có con nuôi, con riêng. Khi cụ C và cụ G mất đi không để lại di chúc có để lại di sản gồm có: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m² trong đó đất ở L2 360 m²; đất vườn L2 411 m² tại địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ bà Phạm Thị G, hiện nay ông Nguyễn Bá H2 và vợ là Phạm Thị N đang quản lý sử dụng. Tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Phạm Thị G chỉ có bà Phạm Thị G.

* Nguyên đơn ông Nguyễn Bá H1 yêu cầu chia di sản thừa kế như sau: Cất 100 m² đất thổ cư để xây nhà thờ cha mẹ, còn 671 m² còn lại chia đều cho 07 người con được nhận bằng đất để xây dựng nhà để ở lúc về già. Ở các vị trí được chia vào tài sản của ông H2 thì phải thanh toán trả lại ông H2.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Bá H2 trình bày: Trước yêu cầu khởi kiện của ông H1, Ông H2 không đồng ý cất lại 100 m² đất thổ cư để làm nhà thờ. Ông đề nghị chia toàn bộ di sản của cụ C và cụ G để lại là thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m² trong đó đất ở là 360 m², đất vườn là 411 m² tại địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ bà Phạm Thị G theo quy định của pháp luật. Trên đất hiện nay có nhà, công trình và cây cối do ông và bà N xây dựng trồng trọt. Khi chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại ông đề nghị được chia phần đất có nhà ông đã xây dựng.

Về nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản: Ông H2 yêu cầu các đồng thừa kế phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông các khoản đã bỏ ra chi phí cho cụ G gồm: Công phụng dưỡng, trông nom, chăm sóc từ năm 1998 đến khi cụ G chết là 720.000.000 đồng; tiền ăn uống sinh hoạt 360.000.000 đồng; mừng thọ năm 2004 25.000.000 đồng; tiền khám chữa bệnh từ năm 1998 đến năm 2012 là 170.000.000 đồng; tiền lo mai táng 138.000.000 đồng; 03 ngày 12.000.000 đồng; 49 ngày 19.000.000 đồng; 100 ngày 5.000.000 đồng; gỗ đầu 25.000.000 đồng; gỗ hàng năm từ khi cụ G chết đến nay 50.000.000 đồng; bốc mộ và xây mộ 110.000.000 đồng; tôn tạo mộ cụ C và các ông bà nội ngoại 25.000.000 đồng;

thuế đất và nhà cửa, công trình, cây cối trên đất ... tổng cộng là 2.380.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài trình bày thì ông H2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh.

* Ông Nguyễn Bá H1 là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá L2, bà Nguyễn Thị Minh H4, bà Nguyễn Thị L1 có ý kiến bổ sung: Ông không nhất trí với ý kiến của ông H2 kê khai đề nghị các đồng thừa kế phải thanh toán cho ông H2 số tiền là 2.380.000.000 đồng. Từ năm 1998 đến trước khi mất cụ G đều mạnh khỏe, đi lại bình thường vẫn tự chăm sóc bản thân không ai phải chăm sóc, khoảng 06 tháng trước khi cụ G mất cụ G nằm liệt không đi lại được mới cần người chăm sóc.

Đối với các khoản chi phí ông H2 kê khai trên ông H2 cho rằng 06 anh em không đóng góp là không đúng, mà anh em có đóng góp khi cụ G không đi lại được mỗi người là 2.000.000 đồng (tổng 06 anh em là 12.000.000 đồng). Khi cụ G còn sống cụ G ăn ở sinh hoạt với gia đình ông H2, cụ G có bảo hiểm y tế nên ốm đau thuốc men đã có bảo hiểm y tế chi trả, việc chi phí các công việc như mừng thọ, mai táng, làm lễ 3 ngày, 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu, bốc mộ thì vợ chồng ông H2 đứng ra lo liệu cả, tuy nhiên anh em trong nhà ai đến dự thì có dâng lễ và đóng góp tự nguyện theo hoàn cảnh từng người. Nay đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về thuế đất ông H1 xác định từ trước đến nay ông H2 ở sử dụng nên ông H2 là người nộp thuế đất. Đối với cây cối ông H2 trồng trên đất thì ông H2 phải có trách nhiệm di dời để trả lại đất đề nghị Tòa án chia thừa kế nhận bằng đất theo quy định pháp luật.

* Bà N trình bày: Bà nhất trí với quan điểm trình bày của ông H2. Bà N bổ sung thêm: Những ngày giỗ chạp anh em con cháu có về đặt lễ là đúng. Tuy nhiên số tiền đặt lễ không quá 500.000 đồng.

* Bà H2o và ông C có quan điểm trình bày giống như ông H1 đã trình bày ở trên.

* Ngày 06/7/2023, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đã tiến hành việc định giá tài sản đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đang có tranh chấp, kết quả định giá như sau:

- Thừa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m² trong đó đất ở là 360 m², đất vườn là 411 m² tại địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ bà Phạm Thị G. Trong đó 360m² đất thổ cư có giá trị 421.200.000 đồng; 411m² đất vườn có giá trị 32.880.000 đồng. Tổng giá trị thừa đất 454.080.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tư triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 27/7/2023, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã ban hành kết quả định giá tài sản số 02/2023/HĐĐG đối với tài sản trên thừa đất số 89 như sau:

- Nhà mái bằng 01 tầng, móng đá, tường xây gạch đỏ, nền lát gạch hoa liên doanh, công trình phụ khép kín, cửa gỗ, cửa nhôm cao 3,75 m có giá trị 199.923.000 đồng. (nhà số 1); Mái tôn chống nóng trước cửa nhà, cao 3,75m có giá trị 21.252.000 đồng; Sân lát gạch đỏ trước cửa nhà có giá trị 6.035.000 đồng;

Bán mái lợp Proxi măng, đòn tay luồng, tường gạch xi, máng gạch xi không chất cao 2,2 m có giá trị 22.469.000 đồng; Sân lát gạch đỏ có giá trị 1.355.000 đồng; Nhà mái bằng 01 tầng, móng đá, tường xây gạch đỏ, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa nhôm, cao 3,75 m có giá trị 95.070.000 đồng; Mái tôn chống nóng trên mái nhà có giá trị 11.662.000 đồng; Cánh cổng Inox có giá trị 4.484.000 đồng; Hai trụ cổng xây gạch đỏ có giá trị 2.370.000 đồng; Bể nước xây gạch đỏ, đáy bê tông, nắp bê tông 7.703.000 đồng; Bể nước cuốn gạch đỏ có giá trị 665.000 đồng; Mái tôn chống nóng nhà mái bằng số 1 có giá trị 24.524.000 đồng; Tường rào xây gạch xi 110 có giá trị 20.354.000 đồng; Giếng khoan sâu khoảng 40 m có bể lọc có giá trị 3.360.000 đồng; Bể phốt xây gạch đỏ, đáy bê tông, nắp bê tông 6.143.000 đồng; Đất tôn tạo đất vườn có giá trị 31.681.000 đồng; Giàn thép che cây có giá trị 6.237.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là: 465.287.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

- Cây cối trên thửa đất: 04 cây sung phôi có giá 1.240.000 đồng; 03 cây sanh phôi có giá 930.000 đồng; 01 cây sấu có giá 924.000 đồng; 01 cây hồng xiêm có giá 196.000 đồng; 01 cây mít có giá 269.000 đồng; 05 cây mít giống có giá 270.000 đồng; 01 cây na giống có giá 45.000 đồng; 01 cây quất hồng bì giống có giá 46.000 đồng; 06 cây vú sữa giống có giá 246.000 đồng; 01 luống gừng có giá 480.000 đồng; 02 cây xạ đen có giá 30.000 đồng. Tổng giá trị cây cối là: 4.676.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Đối với những loại cây khác như: 27 cây mộc hương; 08 cây vạn tuế; bụi hoa giấy; bụi mai tứ quý; 02 cây nguyệt quế; 01 cây ngâu; 02 cây lộc vừng; 01 cây lá màu; 02 bụi cây phát tài, phát lộc; 01 cây hoa hồng cổ; 03 cây thiết mộc lan; hoa cúc (khoảng 20.500.000 cây cúc và 5.000 cây cúc giống do ông H2 cung cấp); 14 cây tùng; 03 bụi hoa nhài; 02 bụi trúc được xếp vào loại cây cảnh nên Hội đồng định giá không đưa ra giá.

* Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương cung cấp thông tin như sau:

Về nguồn gốc thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m², địa chỉ tại thôn 5, xã PV, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam: Theo bản đồ xanh năm 1990 của UBND xã Phù Vân là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 5, diện tích 1005m² (trong đó đất thổ cư 360m², đất thổ canh 645m²) mang tên bà Phạm Thị G có nguồn gốc từ cha ông để lại. Đến năm 1998 đo đạc, tách thửa đến năm 2004 cấp bìa đồ tách cho ông Nguyễn Bá H2 là con của bà G, ông C diện tích 233,1 m² (đất vườn), bà G còn 771 m². Hiện nay thửa đất trên do ông Nguyễn Bá H2 và vợ là bà Phạm Thị N đang quản lý và sử dụng. Các tài sản trên đất gồm nhà, các công trình kiến trúc trên đất, cây cối hoa màu đều do vợ chồng ông H2 tạo dựng. Nay ông Nguyễn Bá H1 khởi kiện chia di sản thừa kế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Bá H1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá L2, bà Nguyễn Thị Minh H4, bà Nguyễn Thị L1 thay đổi yêu cầu đề nghị cắt 100 m² đất thổ cư để xây nhà thờ cha mẹ mà đề nghị chia thừa kế toàn bộ thửa đất 771m² theo pháp luật. Đối với quan điểm của ông H2 yêu cầu

thanh toán nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản, ông H1 xác định việc ông H2 chi phí là có thật, ông nhất trí xác định công phụng dưỡng, trông nom, chăm sóc, ăn ở sinh hoạt của cụ G là 210.000.000 đồng trừ đi số tiền 12.000.000 đồng anh em đã đóng góp, còn lại đều phải có nghĩa vụ là 198.000.000 đồng; mừng thọ 14.000.000 đồng; lo mai táng và 3 ngày cụ G 70.000.000 đồng; bốc mộ và xây mộ 35.000.000 đồng; thuê đất và công bảo quản di sản đề nghị giải quyết theo pháp luật. Tất cả các khoản trên cả 07 anh chị em con cụ C và cụ G đều phải có trách nhiệm. Riêng các ngày 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu, giỗ hàng năm cụ G, tôn tạo mộ cụ C ai về dự thì đều dâng lễ và đóng góp tự nguyện, còn các gia đình đều làm lễ, giỗ theo phong tục tại nhà ở theo hoàn cảnh từng người nên không nhất trí có nghĩa vụ thanh toán trả lại cho ông H2.

- Bị đơn ông Nguyễn Bá H2 giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại tòa và có bổ sung thêm: Về đất của cụ C và cụ G để lại đề nghị chia theo pháp luật, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giấy giao nhà đất lập năm 1998 để bảo vệ quyền lợi cho ông. Về các khoản ông bỏ ra chi phí lo cho cụ G từ năm 1998 đến khi cụ G mất, tôn tạo đất, lo ma chay giỗ chạp và làm lễ các ngày theo phong tục địa phương, nộp thuế đất thì ông đề nghị xem xét thêm công bảo quản di sản là 396.000.000 đồng. Đối với các khoản chi phí khám chữa bệnh cho cụ G, tôn tạo mộ cụ C, tôn tạo xây mộ cho các cụ là ông bà nội, ông bà ngoại ông không yêu cầu giải quyết.

- Bà N giữ nguyên quan điểm và nhất trí với quan điểm của ông H2.

- Bà H2o và ông C nhất trí với quan điểm của ông H1 đã trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 26; 35; 39; 68; 92; 144; 147; 157; 165; 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 100; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng các Điều 111; 149; 609; 610; 611; 612; 613; 615; 649; 650; 651; 658; 660; 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá H1.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế toàn bộ 771m² đất của cụ Nguyễn Bá C và cụ Phạm Thị G theo pháp luật, đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m² trong đó đất ở là 360 m², đất vườn là 411 m² tại địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ bà Phạm Thị G trị giá 454.080.000đ (Bốn trăm năm mươi tư triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

- Xác định nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản tổng là 361.738.000 đồng.

- Ông H1, ông H2, ông L2, ông C, bà L1, bà H2o, bà H4 mỗi kỳ phần được hưởng di sản thừa kế của cụ C và cụ G có giá trị 13.191.000 đồng sau khi trừ đi phần nghĩa vụ tài sản ở trên.

- Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

- Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị miễn án phí cho ông H1, ông H2, ông L2, ông C, bà L1, bà H2o. Bà H4 phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị kỳ phần thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Bá H1 khởi kiện yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá C và cụ Phạm Thị G để lại là quyền sử dụng đất tại thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc giải quyết tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Bá H1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Cắt 100 m² đất thổ cư để xây nhà thờ cha mẹ, còn 671 m² còn lại chia đều cho 07 người con xây dựng nhà để ở lúc về già. Ở các vị trí được chia vào tài sản của ông H2 thì phải thanh toán chênh lệch cho ông H2. Tại phiên tòa, ông H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc cắt 100 m² đất thổ cư để xây nhà thờ cha mẹ, yêu cầu chia toàn bộ di sản thừa kế của bố mẹ theo quy định pháp luật. Xét thấy việc thay đổi không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Bá C chết năm 1982. Năm 2004 Ủy ban nhân dân thị xã Phủ Lý đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị G. Năm 2012 cụ G chết. Ngày 17/02/2023 ông

Nguyễn Bá H1 có đơn khởi kiện nộp tại tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông theo quy định pháp luật. Do các đương sự trong vụ án không đề nghị áp dụng về thời hiệu nên toàn bộ di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá C và cụ Phạm Thị G được chia theo quy định pháp luật.

[4] Về thời điểm mở thừa kế: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã xác định cụ Nguyễn Bá C chết năm 1982, cụ Phạm Thị G chết năm 2012. Theo quy định tại Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ C và cụ G để lại phát sinh kể từ khi cụ C và cụ G qua đời.

[5] Về người thừa kế theo pháp luật: Cụ Nguyễn Bá C và cụ Phạm Thị G khi chết không để lại di chúc. Tuy nhiên, năm 1998 khi cụ G còn sống có lập giấy giao nhà đất nhưng cả về nội dung và hình thức đều không phù hợp với di chúc theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa ông H2 cũng đề nghị chia thừa kế theo pháp luật, nên toàn bộ di sản do cụ C và cụ G để lại được chia theo pháp luật. Cụ C và cụ G có 07 người con gồm: ông H1, ông H2, ông L2, ông C, bà L1, bà H2o, bà H4, ngoài ra cụ C và cụ G không có con riêng, con nuôi hoặc người nào khác thuộc diện được hưởng thừa kế nên căn cứ quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ chỉ có 07 người con để gồm: Bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Bá L2, ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị H2o, ông Nguyễn Bá H1, ông Nguyễn Bá H2 và bà Nguyễn Thị Minh H4. Các đồng thừa kế cùng hàng thứ nhất sẽ được hưởng giá trị kỷ phần ngang nhau trong việc phân chia di sản của cụ C và cụ G để lại.

[6] Về nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản, chi phí liên quan đến thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định: Năm 1998 cụ Phạm Thị G tuổi cao nên các anh em có giao cho ông Nguyễn Bá H2 là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Phạm Thị G và quản lý toàn bộ di sản là thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771m² tại thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Thực tế ông H2 đã chăm sóc cụ G từ tháng 02 năm 1998 đến khi cụ G mất nên cần chấp nhận các khoản chi phí sau:

- Đối với công phụng dưỡng, trông nom, chăm sóc và chi phí sinh hoạt của cụ G từ năm 1998 đến cuối năm 2012, cụ G không có lương, không có nguồn thu nhập nào, sống phụ thuộc vào vợ chồng ông H2. Từ 01/01/2010 đến 01/3/2011 cụ G mới được hưởng trợ cấp người cao tuổi 120.000 đồng/tháng; từ 01/4/2011 đến tháng 12/2012 cụ G được hưởng 180.000 đồng/tháng. Ngoài ra, thời điểm tháng 6 năm 2012 sau khi cụ G ra viện và không đi lại được thì 06 anh em mỗi người đóng góp 2.000.000 đồng để chi phí thêm cho cụ G. Ông H2 yêu cầu các đồng thừa kế có nghĩa vụ thanh toán cho ông H2 là 1.080.000.000 đồng; tại phiên tòa ông H1, ông C, bà H2o chấp nhận tất cả anh em cùng có trách nhiệm với số tiền là 210.000.000 đồng trừ đi số tiền anh em đã đóng góp là 12.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc vợ chồng ông H2 phụng dưỡng, trông nom, chăm sóc cụ G là có thật được các bên đều thừa nhận, nay các đồng thừa kế đồng ý chi phí cho việc phụng dưỡng, trông nom, chăm sóc cụ G là 210.000.000 đồng - 12.000.000 đồng = 198.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với chi phí cho việc mai táng cụ G khi qua đời, ông H2 là người chi phí toàn bộ và yêu cầu các đồng thừa kế có trách nhiệm thanh toán là 150.000.000

đồng (bao gồm cả làm 03 ngày). Tại phiên tòa ông H1, bà H2o, ông C xác định chi phí mai táng và làm lễ 03 ngày hết khoảng 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, không có đương sự nào xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc chi phí mai táng và làm lễ 03 ngày. Do vậy, cần chấp nhận mức chi phí mai táng và làm lễ 03 ngày cụ G là 70.000.000 đồng.

- Về chi phí bảo quản, tôn tạo di sản: Tại phiên tòa ông Nguyễn Bá H2 yêu cầu chi phí bảo quản di sản là 396.000.000 đồng và công tôn tạo đất 60.000.000 đồng, các đồng thừa kế khác đề nghị giải quyết theo pháp luật. Quá trình giải quyết Hội đồng định giá đã định giá công tôn tạo đất là 31.681.000 đồng. Xem xét quá trình bảo quản di sản ông H2 yêu cầu là có căn cứ một phần, cần chấp nhận công bảo quản di sản là 10.000.000 đồng. Như vậy, về chi phí bảo quản, tôn tạo di sản cần xác định là 41.681.000 đồng.

- Về thuế đất: Từ năm 1998 đến nay (2023) việc nộp thuế đất cho Ngân sách Nhà nước đều do ông H2 nộp và đã được chính quyền địa phương xác nhận số tiền là 3.057.000 đồng nên cần chấp nhận số tiền này là có căn cứ.

- Về các chi phí khác như mừng thọ cụ G năm 2004, bốc mộ cụ G cũng đều do vợ chồng ông H2 đứng ra lo liệu, nay ông H2 yêu cầu chi phí mừng thọ là 25.000.000 đồng, bốc mộ và xây mộ cụ G là 110.000.000 đồng. Các đồng thừa kế đều xác định vợ chồng ông H2 đứng ra chi phí lo liệu là có thật, nhưng chỉ chấp nhận việc mừng thọ chi phí khoảng 14.000.000 đồng, bốc mộ và xây mộ khoảng 35.000.000 đồng. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa không có đương sự nào xuất trình được tài liệu chứng cứ đối với số tiền đã bỏ ra chi phí. Do vậy cần chấp nhận số tiền mừng thọ là 14.000.000 đồng, bốc mộ và xây mộ là 35.000.000 đồng.

- Đối với các chi phí khác như: chi phí khám chữa bệnh cho cụ G, làm lễ 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu, giỗ hàng năm cụ G, ông H2 yêu cầu các đồng thừa kế thực hiện nghĩa vụ, tuy nhiên chi phí cho việc khám chữa bệnh cho cụ G ông H2 không xuất trình được tài liệu chứng cứ chi phí và tại phiên tòa cũng đã rút yêu cầu này, các ngày lễ, giỗ hàng năm các đồng thừa kế khác đều làm tại gia đình riêng, trường hợp có về dự thì cũng có đóng góp tự nguyện. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận các khoản chi phí trên.

- Đối với việc tôn tạo mộ cụ C và tôn tạo xây mộ cho các cụ là ông bà nội, ông bà ngoại của các đồng thừa kế: Hội đồng xét xử thấy việc tôn tạo mộ cụ C được hầu hết các đồng thừa kế xác định là cụ G đứng ra lo liệu, còn tôn tạo xây mộ cho các cụ là ông bà nội, ông bà ngoại các đồng thừa kế không thuộc trách nhiệm của các đồng thừa kế. Tại phiên tòa ông H2 rút yêu cầu này nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Như vậy, nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản, chi phí liên quan đến thừa kế tổng cộng là 361.738.000 đồng.

[7] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định cụ C và cụ G để lại khối di sản sau:

Thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m² trong đó đất ở là 360 m²;

đất vườn là 411 m^2 tại địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ bà Phạm Thị G có giá trị 454.080.000đ (Bốn trăm năm mươi tư triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Toàn bộ tài sản nằm trên đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, tại thôn 5, xã PV, thành phố PL diện tích 771 m^2 đất như nhà, các công trình khác, cây cối là tài sản của ông Nguyễn Bá H2 và bà Phạm Thị N xây dựng không liên quan đến di sản thừa kế của cụ C, cụ G để lại.

Toàn bộ giá trị di sản thừa kế được đối trừ với tổng nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản là 361.738.000 đồng. Di sản thừa kế còn lại là: 92.342.000 đồng.

[8] Về phân chia di sản:

Do các đồng thừa kế cùng hàng thừa kế thứ nhất được hưởng ngang nhau đối với di sản là đất mà cụ C và cụ G để lại có tổng giá trị còn lại xác định 92.342.000 đồng. Như vậy giá trị kỷ phần mỗi thừa kế được hưởng sẽ là: 13.191.000 đồng.

Căn cứ điều kiện thực tế của di sản, tình trạng sử dụng hiện tại đối với di sản cũng như trên cơ sở xem xét điều kiện, hoàn cảnh, nhu cầu thực tế về chỗ ở và nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất di sản tại thửa số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m^2 tại thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, hiện tại một phần đất đã được gia đình ông Nguyễn Bá H2 xây nhà kiên cố sử dụng làm nơi ăn ở, sinh sống ổn định và mong muốn được hưởng đất đai của bố mẹ để lại để làm nơi ở là chính đáng. Qua xem xét, thẩm định thực tế thửa đất thì việc chia di sản thừa kế bằng đất cho các đương sự vẫn đảm bảo giá trị, tính năng sử dụng của các công trình đã xây dựng trên đất. Vì vậy căn cứ quy định tại các Điều 111 và Điều 660 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử sẽ phân chia di sản bằng đất cho các đồng thừa kế, như vậy sẽ đảm bảo công bằng về mặt quyền lợi cho các đồng thừa kế. Do đặc điểm của thửa đất có nhiều loại khác nhau và vì vậy sẽ có phần đất có nhiều đất thổ cư nên sẽ được lợi về mặt giá trị di sản, vì vậy người được hưởng trị giá di sản nhiều hơn sẽ phải có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị kỷ phần được hưởng cho các thừa kế khác còn lại được hưởng phần trị giá di sản ít hơn.

[9] Phân chia di sản cụ thể như sau:

Thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m^2 trong đó đất ở là 360 m^2 ; đất vườn là 411 m^2 tại địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ bà Phạm Thị G được chia làm 07 phần cho các đồng thừa kế gồm: Ông Nguyễn Bá H2, ông Nguyễn Bá H1, ông Nguyễn Bá L2, ông Nguyễn Bá C, bà Nguyễn Thị H2o, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Minh H4.

- Phân chia cho ông Nguyễn Bá L2 được quyền sử dụng 113 m^2 đất di sản trong đó đất thổ cư là $65 \text{ m}^2 = 76.050.000$ đồng; đất vườn là $48 \text{ m}^2 = 3.840.000$ đồng. Tổng giá trị di sản ông L2 được hưởng là 79.890.000 đồng. Phần đất chia cho ông L2 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 4m; phía Tây giáp đất nhà bà Bảnh dài 4m; phía Nam giáp đất nhà ông H2 dài 28,08 m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà H4 dài 28,52 m.

Trên đất có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng, trồng trọt gồm: 1/ 2 bể chứa nước = 3.852.000 đồng; 01 bể cuốn gạch đỏ = 665.000 đồng và 01 giếng khoan = 3.360.000 đồng; 01 phần tường rào xây gạch xi = 1.539.000 đồng; 01 cây sung = 310.000 đồng; 01 cây mít = 269.000 đồng; 06 cây vú sữa = 246.000 đồng. Tổng tài sản trên đất chia cho ông L2 là 10.241.000 đồng.

Như vậy tổng trị giá đất và tài sản trên đất giao cho ông Nguyễn Bá L2 quản lý sử dụng là 90.131.000 đồng. Đối trừ với phần trị giá di sản mà ông L2 được hưởng là 13.191.000 đồng thì ông Nguyễn Bá L2 còn có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 76.940.000 đồng.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị Minh H4 được quyền sử dụng 155 m² đất di sản trong đó đất thổ cư là 64m² = 74.880.000 đồng; đất vườn là 91 m² = 7.280.000 đồng. Tổng giá trị di sản bà H4 được hưởng là 82.160.000 đồng. Phần đất chia cho bà H4 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 2.42 m và giáp phần đất chia cho ông H2 dài 2,15m; phía Tây giáp đất nhà bà Bảnh dài 8.71 m; phía Nam giáp đất chia cho ông L2 dài 28,52 m; phía Bắc giáp phần đất chia cho ông H2 dài 19,22m và 9,24m.

Trên đất có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng, trồng trọt gồm: 1/2 bể chứa nước = 3.852.000 đồng; 03 cây sung = 930.000 đồng; 01 cây H4 xiêm = 196.000 đồng; 01 phần sân lát gạch đỏ = 6.000.000 đồng; Trụ cổng: 2.370.000 đồng; Cánh cổng 4.484.000 đồng; Mái tôn chống nóng trước cửa nhà ông H2 được chia = 21.252.000 đồng; một phần bán mái lợp Proximang đòn tay luông, tường gạch xi = 9.146.000 đồng; 01 phần tường rào xây gạch xi = 2.456.000 đồng. Tổng tài sản trên đất chia cho bà H4 là 50.686.000 đồng.

Như vậy tổng trị giá đất và tài sản trên đất giao cho bà Nguyễn Thị Minh H4 quản lý sử dụng là 132.846.000 đồng. Đối trừ với phần trị giá di sản mà bà H4 được hưởng là 13.191.000đ thì bà Nguyễn Thị Minh H4 còn có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 119.655.000 đồng.

- Phân chia cho ông Nguyễn Bá H2 được quyền sử dụng 239 m² đất di sản trong đó đất thổ cư là 164m² = 191.880.000 đồng; đất vườn là 75 m² = 6.000.000 đồng. Tổng giá trị di sản ông H2 được hưởng là 197.880.000 đồng. Phần đất chia cho ông H2 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 10,64 m; phía Tây giáp đất nhà bà Bảnh và bà Sơ dài 7,42m và giáp phần đất chia cho bà H4 dài 2,15m; phía Nam giáp phần đất chia cho bà H4 dài 19,22m và 9,24m; phía Bắc giáp phần đất chia cho ông H1, ông C, bà H2o, bà L1 dài 24,87m.

Trên đất chia cho ông H2 có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng, trồng trọt gồm: Nhà mái bằng 01 tầng, móng đá, tường xây gạch đỏ trị giá 199.923.000 đồng và mái tôn chống nóng = 24.524.000 đồng; nhà mái bằng 01 tầng trị giá 95.070.000 đồng và mái tôn chống nóng = 11.662.000 đồng; 01 phần bán mái lợp proxi măng = 13.323.000 đồng; 01 phần sân lát gạch đỏ = 1.390.000 đồng; 01 bể phốt xây gạch đỏ = 6.143.000 đồng; 01 phần tường rào xây gạch xi = 4.569.000 đồng; 01 cây sấu = 924.000 đồng, 05 cây mít = 270.000 đồng, 01 cây quất hồng bì = 46.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất ông H2 và bà N cùng xây dựng và trồng trọt là: 357.844.000 đồng.

- Phân chia cho ông Nguyễn Bá H1 được quyền sử dụng 64 m^2 đất di sản trong đó đất thổ cư là $22 \text{ m}^2 = 25.740.000$ đồng; đất vườn là $42 \text{ m}^2 = 3.360.000$ đồng. Tổng giá trị di sản ông H1 được hưởng là 29.100.000 đồng. Phần đất chia cho ông H1 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 12,8m; phía Tây giáp phần đất chia cho ông C dài 13,13m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông H2 dài 5,60 m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 3,49 m.

Trên đất chia cho ông H1 có tài sản do vợ chồng ông H2 trồng trọt, xây dựng gồm: 01 cây na trị giá 45.000 đồng; 01 phần tường xây gạch xi = 4.481.000đ. Tổng tài sản trên đất chia cho ông H1 là 4.526.000 đồng.

Như vậy tổng trị giá đất và tài sản trên đất giao cho ông Nguyễn Bá H1 quản lý sử dụng là 33.626.000 đồng. Đối trừ với phần trị giá di sản mà ông H1 được hưởng là 13.191.000 đồng thì ông Nguyễn Bá H1 còn có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 20.435.000 đồng.

- Phân chia cho ông Nguyễn Bá C được quyền sử dụng 69 m^2 đất di sản trong đó đất thổ cư là $23 \text{ m}^2 = 26.910.000$ đồng; đất vườn là $46 \text{ m}^2 = 3.680.000$ đồng. Tổng giá trị di sản ông C được hưởng là 30.590.000 đồng. Phần đất chia cho ông C có các cạnh như sau: Phía Đông giáp phần đất chia cho ông H1 dài 13,13m; phía Tây giáp phần đất chia cho bà H2o dài 13,07m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông H2 dài 6 m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,10 m.

Trên đất chia cho ông C có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng gồm: 01 phần tường xây gạch xi = 1.290.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá đất và tài sản trên đất giao cho ông Nguyễn Bá C quản lý sử dụng là 31.880.000 đồng. Đối trừ với phần trị giá di sản mà ông C được hưởng là 13.191.000 đồng thì ông Nguyễn Bá C còn có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 18.689.000 đồng.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị H2o được quyền sử dụng 70 m^2 đất di sản trong đó đất thổ cư là $22 \text{ m}^2 = 25.740.000$ đồng; đất vườn là $48 \text{ m}^2 = 3.840.000$ đồng. Tổng giá trị di sản bà H2o được hưởng là 29.580.000 đồng. Phần đất chia cho bà H2o có các cạnh như sau: Phía Đông giáp phần đất chia cho ông C dài 13,07 m; phía Tây giáp phần đất chia cho bà L1 dài 13,25m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông H2 dài 7,00 m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 4,51 m.

Trên đất chia cho bà H2o có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng gồm: 01 phần tường xây gạch xi = 1.141.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá đất và tài sản trên đất giao cho bà Nguyễn Thị H2o quản lý sử dụng là 30.721.000 đồng. Đối trừ với phần trị giá di sản mà bà H2o được hưởng là 13.191.000 đồng thì bà Nguyễn Thị H2o còn có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 17.530.000 đồng.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị L1 được quyền sử dụng 61 m^2 đất vườn di sản = 4.880.000 đồng. Phần đất chia cho bà L1 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp phần đất chia cho bà H2o dài 13,25m; phía Tây giáp phần đất nhà bà Sơ dài 13,69

m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông H2 dài 6,27 m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 4,01 m.

Trên đất chia cho bà L1 có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng gồm: 01 phần tường xây gạch xi = 4.878.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá đất và tài sản trên đất giao cho bà Nguyễn Thị L1 quản lý sử dụng là 9.758.000 đồng. Đối trừ với phần trị giá di sản mà bà L1 được hưởng là 13.191.000đ thì ông Nguyễn Bá H2 còn có trách nhiệm thanh toán trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 là 3.433.000 đồng.

(Việc phân chia có sơ đồ kèm theo)

Đối với toàn bộ các cây cối trồng trên đất như các cây: Sanh, gừng, xạ đen, mộc hương, vạn tuế, hoa giấy, mai tứ quý, nguyệt quế, ngâu, lộc vùng, cây lá màu, cây phát tài phát lộc, hoa hồng cổ, thiết mộc lan, hoa cúc, tùng, hoa nhài, trúc không phải là cây trồng thu hoạch phục vụ cho sinh hoạt mà trồng phục vụ cho mục đích kinh doanh và giàn thép che cây thì ông H2 bà N có trách nhiệm tự đi dời để trả lại tài sản cho các đồng thừa kế khác theo sự phân chia ở trên.

[10] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.961.000 đồng do ông H1 đã bỏ ra thanh toán, căn cứ quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự đều cùng phải chịu, do đó ông L2, ông C, ông H2, bà L1, bà H4, bà H2o phải thanh toán trả lại cho ông H1 số tiền chi phí ông H1 đã bỏ ra, mỗi người là 994.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự gồm ông H1, ông L2, ông C, ông H2, bà L1, bà H2o đều là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông H1, ông L2, ông C, ông H2, bà L1, bà H2o.

Bà Nguyễn Thị Minh H4 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 659.550 đồng (làm tròn là 659.000 đồng).

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Các Điều 68; 92; 144; 147; 157; 165; 244; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 100; 166; 170 và 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 111; 149; 609; 610; 611; 612; 613; 615; 649; 650; 651; 658; 660; 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá H1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Bá H1 đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Bá C và cụ Phạm Thị G.

3. Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Bá C và cụ Phạm Thị G gồm: Ông Nguyễn Bá H1, ông Nguyễn Bá L2, ông Nguyễn Bá C, ông Nguyễn Bá H2, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị H2o và bà Nguyễn Thị Minh H4.

4. Công nhận di sản hợp pháp của cụ Nguyễn Bá C và cụ Phạm Thị G để lại bao gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ số PL1, diện tích 771 m² trong đó đất ở là 360 m²; đất vườn là 411 m² tại địa chỉ: Thôn 5, xã PV, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, do UBND thị xã Phủ Lý cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ bà Phạm Thị G, tổng giá trị di sản là 454.080.000đ (Bốn trăm năm mươi tư triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Xác định nghĩa vụ tài sản của cụ Nguyễn Bá C và cụ Phạm Thị G để lại là 361.738.000đ (ba trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng).

6. Xác định mỗi kỹ phần các thừa kế được hưởng theo pháp luật có giá trị là 13.191.000đ (mười ba triệu, một trăm chín mươi một nghìn đồng).

7. Về phân chia di sản thừa kế:

- Phân chia cho ông Nguyễn Bá L2 được quyền sử dụng 113m² đất di sản trong đó đất thổ cư là 65m²; đất vườn là 48 m². Tổng giá trị di sản ông L2 được hưởng là 79.890.000 đồng. Phần đất chia cho ông L2 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 4m; phía Tây giáp đất nhà bà Bảnh dài 4m; phía Nam giáp đất nhà ông H2 dài 28,08 m; phía Bắc giáp phần đất chia cho bà H4 dài 28,52 m.

Trên đất có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng, trồng trọt gồm: 1/ 2 bể chứa nước = 3.852.000 đồng; 01 bể cuốn gạch đỏ = 665.000 đồng và 01 giếng khoan = 3.360.000 đồng; 01 phần tường rào xây gạch xi = 1.539.000 đồng; 01 cây sung = 310.000 đồng; 01 cây mít = 269.000 đồng; 06 cây vú sữa = 246.000 đồng. Tổng tài sản trên đất chia cho ông L2 là 10.241.000 đồng.

Ông Nguyễn Bá L2 có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 76.940.000 đồng.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị Minh H4 được quyền sử dụng 155 m² đất di sản trong đó đất thổ cư là 64m²; đất vườn là 91 m². Tổng giá trị di sản bà H4 được hưởng là 82.160.000 đồng. Phần đất chia cho bà H4 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 2.42 m và giáp phần đất chia cho ông H2 dài 2,15m; phía Tây giáp đất nhà bà Bảnh dài 8.71 m; phía Nam giáp đất chia cho

ông L2 dài 28,52 m; phía Bắc giáp phần đất chia cho ông H2 dài 19,22m và 9,24m.

Trên đất có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng, trồng trọt gồm: 1/2 bể chứa nước = 3.852.000 đồng; 03 cây sung = 930.000 đồng; 01 cây hồng xiêm = 196.000 đồng; 01 phần sân lát gạch đỏ = 6.000.000 đồng; Trụ cổng: 2.370.000 đồng; Cánh cổng 4.484.000 đồng; Mái tôn chống nóng trước cửa nhà ông H2 được chia = 21.252.000 đồng; một phần bán mái lợp Proximang đòn tay luồng, tường gạch xi = 9.146.000 đồng; 01 phần tường rào xây gạch xi = 2.456.000 đồng. Tổng tài sản trên đất chia cho bà H4 là 50.686.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Minh H4 có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 119.655.000 đồng.

- Phân chia cho ông Nguyễn Bá H2 được quyền sử dụng 239 m² đất di sản trong đó đất thổ cư là 164m² = 191.880.000 đồng; đất vườn là 75 m² = 6.000.000 đồng. Tổng giá trị di sản ông H2 được hưởng là 197.880.000 đồng. Phần đất chia cho ông H2 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 10,64 m; phía Tây giáp đất nhà bà Bảnh và bà Sơ dài 7,42m và giáp phần đất chia cho bà H4 dài 2,15m; phía Nam giáp phần đất chia cho bà H4 dài 19,22m và 9,24m; phía Bắc giáp phần đất chia cho ông H1, ông C, bà H2o, bà L1 dài 24,87m.

Trên đất chia cho ông H2 có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng, trồng trọt gồm: Nhà mái bằng 01 tầng, móng đá, tường xây gạch đỏ trị giá 199.923.000 đồng và mái tôn chống nóng = 24.524.000 đồng; nhà mái bằng 01 tầng trị giá 95.070.000 đồng và mái tôn chống nóng = 11.662.000 đồng; 01 phần bán mái lợp proxi măng = 13.323.000 đồng; 01 phần sân lát gạch đỏ = 1.390.000 đồng; 01 bể phốt xây gạch đỏ = 6.143.000 đồng; 01 phần tường rào xây gạch xi = 4.569.000 đồng; 01 cây sấu = 924.000 đồng, 05 cây mít = 270.000 đồng, 01 cây quất H4 bì = 46.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất ông H2 và bà N cùng xây dựng và trồng trọt là: 357.844.000 đồng.

- Phân chia cho ông Nguyễn Bá H1 được quyền sử dụng 64 m² đất di sản trong đó đất thổ cư là 22m²; đất vườn là 42 m². Tổng giá trị di sản ông H1 được hưởng là 29.100.000 đồng. Phần đất chia cho ông H1 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp đường ngõ xóm dài 12,8m; phía Tây giáp phần đất chia cho ông C dài 13,13m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông H2 dài 5,60 m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 3,49 m.

Trên đất chia cho ông H1 có tài sản do vợ chồng ông H2 trồng trọt, xây dựng gồm: 01 cây na trị giá 45.000 đồng; 01 phần tường xây gạch xi = 4.481.000đ. Tổng tài sản trên đất chia cho ông H1 là 4.526.000 đồng.

Ông Nguyễn Bá H1 có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 20.435.000 đồng.

- Phân chia cho ông Nguyễn Bá C được quyền sử dụng 69 m² đất di sản trong đó đất thổ cư là 23m²; đất vườn là 46 m². Tổng giá trị di sản ông C được hưởng là 30.590.000 đồng. Phần đất chia cho ông C có các cạnh như sau: Phía Đông giáp phần đất chia cho ông H1 dài 13,13m; phía Tây giáp phần đất chia cho bà H2o dài

13,07m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông H2 dài 6 m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,10 m.

Trên đất chia cho ông C có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng gồm: 01 phần tường xây gạch xi = 1.290.000 đồng.

Ông Nguyễn Bá C có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 18.689.000 đồng.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị H2o được quyền sử dụng 70 m² đất di sản trong đó đất thổ cư là 22m²; đất vườn là 48 m². Tổng giá trị di sản bà H2o được hưởng là 29.580.000 đồng. Phần đất chia cho bà H2o có các cạnh như sau: Phía Đông giáp phần đất chia cho ông C dài 13,07 m; phía Tây giáp phần đất chia cho bà L1 dài 13,25m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông H2 dài 7,00 m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 4,51 m.

Trên đất chia cho bà H2o có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng gồm: 01 phần tường xây gạch xi = 1.141.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H2o có trách nhiệm thanh toán trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá H2 là 17.530.000 đồng.

- Phân chia cho bà Nguyễn Thị L1 được quyền sử dụng 61m² đất vườn di sản = 4.880.000 đồng. Phần đất chia cho bà L1 có các cạnh như sau: Phía Đông giáp phần đất chia cho bà H2o dài 13,25m; phía Tây giáp phần đất nhà bà Sơ dài 13,69 m; phía Nam giáp phần đất chia cho ông H2 dài 6,27 m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 4,01 m.

Trên đất chia cho bà L1 có tài sản do vợ chồng ông H2 xây dựng gồm: 01 phần tường xây gạch xi = 4.878.000 đồng.

Ông Nguyễn Bá H2 có trách nhiệm thanh toán trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 là 3.433.000 đồng.

(Việc phân chia có sơ đồ kèm theo)

Đối với toàn bộ các cây cối trồng trên đất như các cây: Sanh, gừng, xạ đen, mộc hương, vạn tuế, hoa giấy, mai tứ quý, nguyệt quế, ngâu, lộc vùng, cây lá màu, cây phát tài phát lộc, hoa hồng cổ, thiết mộc lan, hoa cúc, tùng, hoa nhài, trúc không phải là cây trồng thu hoạch phục vụ cho sinh hoạt mà trồng phục vụ cho mục đích kinh doanh và giàn thép che cây thì ông H2 bà N có trách nhiệm tự đi dòi để trả lại tài sản cho các đồng thừa kế khác theo sự phân chia ở trên.

8. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

9. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: ông L2, ông C, ông H2, bà L1, bà H4, bà H2o phải thanh toán trả lại cho ông H1 số tiền chi phí ông H1 đã bỏ ra, mỗi người là 994.000đ.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh H4 phải nộp L2 659.000 đồng.

11. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H2 Nam;
- VKSND tH2nh phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS tH2nh phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên